TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **50**/2022/DSST
Ngày: 26-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa: Ông **Nguyễn Phong P**hi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Hoàng Nghiệp

Ông Trương Văn Hăng

- Thư ký Pên tòa: Ông Ngô Quang Khải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia Pên toà: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp dân sự hợp đồng vay. Theo Quyết định hoãn Pên tòa số: 270A/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Thanh Sơn**,** sinh năm 1959; bà Phạm Thị N, sinh năm 1960; nơi cư trú: tổ 26, ấp Đồng Ky, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có mặt)

Bị đơn: Bà Bùi Thị P**,** sinh năm 1963; nơi cư trú: tổ 01, ấp Phước Thọ, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Lò Rượu Vĩnh Khang). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Svà bà N trình bày: Vào năm 2017, bà Bùi Thị P hỏi vay tiền của vơ chồng ông bà, mục đích là để làm vốn làm ăn. Do thông cảm hoàn cảnh của bà P nên đã đồng ý cho vay số tiền là 400.000.000 đồng lãi suất 2%, tuy nhiên từ ngày 26/01/2017 đến nay không đóng lãi tổng cộng nợ vốn và lãi là 855.000.000 đồng.

Bị đơn được triệu tập nhưng không đến Tòa án để trình bày và giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại Pên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Kết quả thu thập chứng cứ như sau:

Chứng cứ nguyên đơn giao nộp là biên nhận do bà P ký nhận số tiền nợ vốn là 400.000.000 đồng. (đã đối chiếu bản chính)

Tòa án đã tiến hành xác minh bà Bùi Thị P tại Công an xã Đa Phước, thì cho biết bà vẫn còn cư trú tại địa phương tuy nhiên bà không đến Tòa án để giải quyết, do đó, Tòa án giải quyết trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn từ bỏ quyền lợi của mình trong quá trình tố tụng.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng…là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại Pên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: qua quá trình nghiên cứu hồ sơ có đủ căn cứ để buộc bà P trả cho Sbà N số tiền vốn 400.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Do đó Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tính lải suất lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án nhiều lần tống đạt bà đều có ở nhà, theo quy định tại khoản 05 Điều 177, Điều 179 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành niêm yết công khai theo quy định và tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn trả lại số tiền vay 400.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được Toà án xem xét giải quyết là: "hợp đồng vay" theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[4] Về nội dung:

Nguyên đơn Sbà N khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị P phải trả lại số tiền vay: 400.000.000 đồng từ ngày 26/01/2017 và yêu cầu tính lãi suất

Bị đơn vắng mặt không trình bày ý kiến và Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn nên xem như từ bỏ quyền lợi của mình.

Khi khởi kiện, ông Sbà N có cung cấp 01 Tờ giấy ghi nợ với tổng cộng số tiền vào ngày 26/01/2017 là 400.000.000 đồng có chữ viết và chữ ký tên của bà Bùi Thị P nội dung bà P thừa nhận thiếu tiền ông Sbà N 400.000.000;

Từ những căn cứ trên có căn cứ buộc bà P phải có nghĩa vụ trả cho ông Sbà N số tiền đã vay theo quy định.

Vốn và lãi được tính như sau: Thời gian vay từ ngày 26/01/2017 đến ngày xét xử là 26/5/2022 là 64 tháng: vốn 400.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 64 tháng = 424.960.000 đồng

Tổng cộng vốn và lãi: 400.000.000 + 424.960.000 = 824.960.000 đồng.

[5] Về án phí: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 280; Điều 463, 465, 466, 468, Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; khoản 2, Điều 92; Điều 147; Điều 177; Điều 179; Điều 217; khoản 3, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326 của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh Svà Phạm Thị N

Buộc bà Bùi Thị P trả cho ông Võ Thanh Svà Phạm Thị N số tiền vốn và lãi là 824.960.000 đồng. (tám trăm hai bốn triệu, chin trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Bùi Thị P phải chịu 36.748.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Svà bà N được miễn tạm ứng án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của của người vắng mặt là 15 ngày kể ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
- VKS tỉnh
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA

Nguyễn Phong Phi